

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 20-5- 2019.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc và ông Tôn Thất Hưng.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Nhật T, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 29A, khu phố H, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ hiện nay: Công ty TNHH T, khu Công nghiệp T, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử chị Vũ Thị Nhật T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân P về chung sống với nhau

từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyền số 01. Hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện. Trong suốt thời gian chung sống vợ chồng anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng, không có hạnh phúc, đặc biệt từ tháng 02/2018 đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2018 đến nay, từ khi sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Thục U, sinh ngày 10/6/2009, cháu U hiện đang do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Hiện nay chị đang làm spa tóc, thu nhập bình quân mỗi tháng của chị là 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, chị có đủ các điều kiện để nuôi dưỡng cháu U.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai có tại hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Xuân P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, thời gian ly thân như chị T trình bày là đúng. Theo anh trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị thỉnh thoảng cũng có cãi vã nhau, nhưng đặc biệt là từ tháng 02/2018 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân là do vợ chồng anh ngày càng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cả việc nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Từ khi sống ly thân anh chị không còn nói chuyện được với nhau để đoàn tụ vợ chồng, không còn quan tâm gì đến nhau. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân giữa anh chị không có khả năng hàn gắn, nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị T vì anh theo đạo thiên chúa nên không thể đồng ý ly hôn và thương con. Nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Thục U, sinh ngày 10/6/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của chị T. Anh xác định hiện nay chị T có đủ điều kiện, khả năng để nuôi dưỡng cháu U.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Nhật T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1972, địa chỉ: Công ty TNHH T, khu Công nghiệp T, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị Nhật T và anh Nguyễn Xuân P tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01 theo đúng quy định tại Điều 11, 12, 13 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị Nhật T:

Tòa án đã tổ chức hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T, anh P đều thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ngày càng trầm trọng, hôn nhân giữa anh chị không thể hàn gắn, anh chị đã sống ly thân nhau hơn một

năm nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bồn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống, do mâu thuẫn quá trầm trọng nên hiện nay khi gặp nhau anh chị cũng không còn muốn nói chuyện với nhau. Nay chị T kiên quyết ly hôn, còn anh P không đồng ý ly hôn do anh là người có đạo, đồng thời khi vợ chồng ly hôn anh thương con nên anh không thể ký đồng ý ly hôn, tuy nhiên nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh P là có thật, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh P là có cơ sở để chấp nhận.

2.3. Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Vũ Thục U, sinh ngày 10/6/2009 và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh P cũng đồng ý với yêu cầu của chị T. Tại lời khai của cháu U, cháu cũng có nguyện vọng được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét chị T có đủ các điều kiện để nuôi dưỡng cháu U, tại văn bản ngày 28/02/2019 thể hiện thu nhập bình quân của anh P mỗi tháng là 9.800.000 đồng, nên anh P có đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và anh P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Các điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 84; 119 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Nhật T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Nhật T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Nhật T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Nguyễn Vũ Thục U, sinh ngày 10/6/2009. Anh Nguyễn Xuân P cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Nhật T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0001554 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Xuân P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Nhật T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã E, huyện C, tỉnh
Đắk Lắk.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện
Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

